TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/HN&GĐ-ST
Ngày: 22-02-2024
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Hoàng Phúc.

2/ Bà Nguyễn Thị Bình.

Thư ký phiên toà: Ông Bùi Chí Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 440/2023/TLST-HN&GĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST-HN&GĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐST-HN&GĐ ngày 23 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mỹ A, sinh năm 1990;

Nơi cư trú: Số 365, đường ĐT 766, thôn 4, xã Th, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: A Ngô Quốc V, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Số 73, đường ĐT 766, thôn 1A, xã Ttr, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Mỹ A và A Ngô Quốc V tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ttr, có tổ chức lễ cưới; sau khi kết hôn thì chị A và A V chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn, chị A nộp đơn xin ly hôn A V, được Tòa án hòa giải cho A chị về đoàn tụ, sau đó chị và A V quay về chung sống với nhau đến đầu năm 2022 thì tiếp tục mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do A V thường xuyên chơi bài bạc, cầm cố tài sản của vợ chồng, A V không biết lo cho con cái,

chị và gia đình đã khuyên nhiều lần nhưng A V không thay đổi sửa chữa, chị A xác định không còn tình cảm với A V, mâu thuẫn trầm trọng và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn A V.

Về con chung, tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn, tuy nhiên bị đơn không cung cấp ý kiến, tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn đối với bị đơn, không yêu cầu giải quyết trA chấp về con chung, tài sản chung và nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhập yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị Mỹ A ly hôn A Ngô Quốc V.

2. Ghi nhận ý kiến tự nguyện của chị A về việc không yêu cầu giải quyết trA chấp về con chung, tài sản chung và nợ.

3. Buộc chị A chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trA luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Lê Thị Mỹ A khởi kiện ly hôn với bị đơn Ngô Quốc V; bị đơn có nơi đăng ký thường trú tại thôn 1A, xã Ttr, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp đúng địa chỉ của bị đơn theo xác nhận thông tin về cư trú đề ngày 07/12/2023 của Công an xã Ttr, huyện Đức Linh; do đó, căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2027/NQ-HĐTP ngày 5-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và các Điều 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về tố tụng: Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và không có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[3.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Mỹ A và A Ngô Quốc V tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ttr, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận vào ngày 02/11/2011. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị A và A V được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị A và A V sống chung với nhau như vợ chồng tại thôn 1A, xã Ttr, huyện Đức Linh được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo lời khai của chị A là do A V lâm vào tệ nạn cờ bạc, không quan tâm, chăm sóc con cái, chị A đã từng nộp đơn xin ly hôn A V nhưng qua hòa giải thì chị đã cho A V cơ hội sửa chữa, tuy nhiên A chị đoàn tụ được thời gian thì tiếp tục xảy ra mâu thuẫn; qua hòa giải và tại phiên tòa chị A đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết ly hôn A V.

Từ những phân tích trên cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị A và ông V đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A đối với A V.

[3.2] Về con chung, tài sản chung và nợ: Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của đương sự về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 56, 57 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mỹ A.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Mỹ A ly hôn A Ngô Quốc V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 73, đăng ký ngày 02/11/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Ttr, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận giữa A Ngô Quốc V và chị Lê Thị Mỹ A hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Ghi nhận ý kiến của các đương sự về việc không yêu cầu Toà án giải quyết trA chấp về con chung, tài sản, nợ chung trong vụ án này.

3. Về án phí: Buộc chị Lê Thị Mỹ A phải nộp số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo biên lai thu số 0017620 ngày 17/10/2023. Chị Lê Thị Mỹ A đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND xã Th và xã Ttr;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thuận